

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng
Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu đến năm 2030, định hướng đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 hướng dẫn Luật Quy hoạch; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 về việc phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024 về phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 về phê duyệt Quy hoạch Lâm nghiệp Quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 492/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 3324/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 về việc phê duyệt Phương án bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, giai đoạn 2021-2030; số 3519/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu đến năm 2030, định hướng đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 530/TTr-SNNMT ngày 14/4/2026 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 214/BC-SNNMT ngày 14/4/2026 và hồ sơ có liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu đến năm 2030, định hướng đến năm 2035, gồm những nội dung chính sau:

1. Tên Đề án: Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

2. Mục tiêu của đề án

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển du lịch sinh thái tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu như một mô hình du lịch kiểu mẫu, chuyên nghiệp có tính bền vững và trách nhiệm; góp phần thúc đẩy, tạo cơ chế tăng nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước để góp phần tạo bước đệm cho Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu từng bước thực hiện phương án tự chủ thông qua cơ chế cho thuê môi trường rừng, liên doanh liên kết, tự tổ chức hoạt động du lịch sinh thái. Khi đi vào thực hiện Đề án sẽ góp phần thu hút nhiều nhà đầu tư tiềm năng, các doanh nghiệp du lịch hướng tới Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu là điểm du lịch hấp dẫn, chuyên nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2030:

+ Đến năm 2030, Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu phấn đấu đón 10.000 lượt khách/năm (kỳ vọng chiếm khoảng 33% lượng khách năm 2024 của huyện Quan Hóa cũ). Tỷ lệ khách quốc tế đạt 20%, khách nội địa đạt 80%; khoảng

3.000 khách lưu trú qua đêm (tương đương 30%). Chi tiêu bình quân đạt 1,1 triệu đồng mỗi khách. Tổng doanh thu du lịch đạt 11,0 tỷ đồng/năm, trong đó thu từ cho thuê môi trường rừng đạt 1,0 tỷ đồng mỗi năm.

+ Thu hút ít nhất 02 nhà đầu tư tham gia liên doanh, liên kết và thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái tại các điểm trọng tâm của Khu bảo tồn. Ưu tiên đầu tư xây dựng Trung tâm thông tin du lịch và triển khai các điểm tham quan, giáo dục môi trường và trải nghiệm gồm: Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pù Hu; Điểm trải nghiệm nông nghiệp Bản Chiềng; Điểm trải nghiệm nông nghiệp Bản Yên; thác Khặt, thác Pù Hu, đỉnh Pù Hu và quần thể cây Chò xanh. Hoàn thiện 03 tuyến du lịch nội vùng và 08 tuyến du lịch kết nối liên vùng.

+ Đào tạo khoảng 200 lao động du lịch, gồm: lực lượng cộng đồng, hướng dẫn viên bản địa, nhân sự của Ban quản lý và đội ngũ diễn giải môi trường. Tối thiểu 30% nhân sự có khả năng giao tiếp tiếng Anh trong hoạt động du lịch.

+ Hình thành 10 cơ sở lưu trú cộng đồng đáp ứng tiêu chuẩn phục vụ du khách. Phát triển 01 khu nghỉ dưỡng sinh thái quy mô nhỏ do doanh nghiệp đầu tư. Tổng công suất lưu trú bình quân năm khoảng 35%.

+ Tăng cường kết nối tuyến điểm giữa Khu bảo tồn với các bản của người Thái, Mông, Mường tại 8 xã, tạo sản phẩm bổ trợ, góp phần tăng thu nhập cho cộng đồng và giảm áp lực lên tài nguyên rừng.

+ Hướng đến khả năng tự chủ 20 đến 25% kinh phí cho công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển nguồn nhân lực từ nguồn thu du lịch.

- Định hướng đến năm 2035:

+ Đến năm 2035, đón 30.000 lượt khách/năm (tăng trưởng trung bình 12%/năm so với 2030). Tỷ lệ khách quốc tế đạt 30%, khách nội địa đạt 70%. Khoảng 10.500 khách lưu trú qua đêm tương đương 35%. Chi tiêu bình quân đạt 2,0 triệu đồng/khách. Tổng doanh thu du lịch đạt 60 tỷ đồng/năm, trong đó thu từ cho thuê môi trường rừng đạt 7,0 tỷ đồng mỗi năm.

+ Thu hút thêm 02 nhà đầu tư chiến lược để phát triển Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pha Khao và Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Khe Yên. Hoàn thiện toàn bộ các tuyến đường tuần tra kết hợp du lịch và hệ thống điểm dừng chân phục vụ tham quan.

+ Hình thành lực lượng lao động du lịch khoảng 500 người, trong đó: khoảng 50 nhân sự chuyên trách của Ban quản lý và khoảng 450 lao động từ cộng đồng địa phương. Ít nhất 50% nhân lực có khả năng giao tiếp tiếng Anh.

+ Hoàn thiện 30 cơ sở lưu trú cộng đồng chất lượng cao và 03 khu nghỉ dưỡng sinh thái. Tổng công suất lưu trú bình quân năm khoảng 50%. Mở rộng mạng lưới tuyến điểm du lịch, khai thác thêm 04 tuyến nội vùng mới và tăng cường kết nối với các điểm du lịch phụ cận nhằm nâng cao chuỗi giá trị du lịch và thu nhập cộng đồng.

+ Đến năm 2035, Khu bảo tồn hướng tới tự chủ 80% kinh phí hoạt động bảo vệ rừng, quản lý và bảo tồn từ nguồn thu du lịch.

3. Nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Tuân thủ các nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái của UNESCO như: Tôn trọng thiên nhiên, tôn trọng văn hóa, lợi ích kinh tế, giáo dục du khách, tối thiểu hoá tác động, quản lý có trách nhiệm và tham gia của các bên liên quan.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về lâm nghiệp, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, văn hóa, du lịch và các quy định của pháp luật khác có liên quan; phù hợp với chiến lược quốc gia, quy hoạch ngành và địa phương về phát triển du lịch, lâm nghiệp, đa dạng sinh học và phát triển kinh tế - xã hội.

- Tuân thủ theo Phương án bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, giai đoạn 2021-2030 đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 27/8/2021.

- Không tổ chức hoạt động nghỉ dưỡng, giải trí trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt; không cho thuê môi trường rừng hoặc hợp tác, liên kết để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt. Đối với các tuyến du lịch nội vùng đi qua phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, chỉ được tổ chức tham quan theo các tuyến đường mòn hiện có; không xây dựng công trình mới; không tổ chức hoạt động lưu trú; việc khai thác phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học và tuân thủ quy định của pháp luật về lâm nghiệp, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

- Không ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, không chặt phá rừng; các công trình xây dựng phải dựa vào thiên nhiên, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường.

- Không làm mất quyền sở hữu của nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất; không làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử - văn hóa.

- Góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các bên liên quan và khuyến khích các bên liên quan tham gia vào các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng thông qua các hoạt động du lịch; bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, tri thức bản địa của cộng đồng các dân tộc ở địa phương.

4. Nội dung chính của Đề án

4.1. Quy mô thực hiện hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Tổng diện tích quy hoạch cho 03 điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí là 156,28 ha.

- Quy hoạch cho 07 tuyến du lịch sinh thái dựa trên các tuyến đường tuần

tra bảo vệ rừng, tuyến đường mòn hiện có với tổng chiều dài các tuyến là 125 km.

4.2. Phát triển các điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

a) Số lượng và diện tích các điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Các điểm quy hoạch tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí là 03 điểm, với tổng diện tích là 156,28 ha, gồm:

- Giai đoạn 2026-2030, tổ chức và phát triển 02 điểm du lịch đã được xác định rõ trong Phương án quản lý rừng bền vững, gồm:

(1) Điểm trải nghiệm sinh thái Pù Hu:

+ Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Chiềng

+ Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pù Hu

(2) Điểm trải nghiệm sinh thái Khe Yên:

+ Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Yên

- Giai đoạn 2031-2035, tiếp tục phát triển 02 điểm thuộc giai đoạn 2026-2030 và phát triển bổ sung 01 điểm du lịch tiềm năng, bao gồm:

(1) Điểm trải nghiệm sinh thái Pù Hu:

+ Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Chiềng

+ Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pù Hu

(2) Điểm trải nghiệm sinh thái Khe Yên:

+ Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Yên

+ Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Khe Yên

+ Trung tâm Giáo dục môi trường và Dịch vụ

(3) Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pha Khao

b) Vị trí, diện tích, hiện trạng, mục đích, thời gian và dự kiến phương thức tổ chức thực hiện

(Chi tiết tại Phụ biểu 01 đính kèm)

c) Vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Tổng diện tích khai thác hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu giai đoạn 2026-2035 là 156,28 ha, bao gồm 7,81 ha diện tích đất xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch (tương ứng 5% tổng diện tích) và 148,47 ha diện tích đất rừng phục vụ du lịch. Trong đó, diện tích thuộc phân khu chức năng rừng đặc dụng (phân khu Dịch vụ hành chính) là 147 ha; diện tích ngoài phân khu chức năng (rừng sản xuất) là 9,28 ha.

(Chi tiết tại các Phụ biểu 02, 03 đính kèm)

4.3. Phát triển các tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

a) Tuyến nội vùng (07 tuyến)

- Giai đoạn 2026-2030, tổ chức và phát triển 03 tuyến du lịch đã được xác định rõ trong Phương án quản lý rừng bền vững, gồm:

+ Tuyến 1: Trạm Kiểm lâm Trung Sơn - Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Chiềng - Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pù Hu - 5 km.

+ Tuyến 2: Trung tâm GDMT & DV - Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Yên - Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Khe Yên - Thác Pù Hu 1 và 2 - Đỉnh Pù Hu - Cây chò xanh cổ thụ - Thác Khặt - Trạm Kiểm lâm Trung Thành - 20 km.

+ Tuyến 3: Trụ sở Khu bảo tồn - Bản En - Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pha Khao - Hang Pha Khao 1, 2 - Hang Dùn - 30 km.

- Giai đoạn 2031-2035, tiếp tục phát triển 03 tuyến thuộc giai đoạn 2026-2030 và phát triển bổ sung 04 tuyến du lịch tiềm năng, bao gồm:

+ Tuyến 4: Trạm Kiểm lâm Trung Thành - Thác Khặt - Cây Chò Xanh cổ thụ/Cây chè cổ thụ Bản Tân Lập - 10 km.

+ Tuyến 5: Trạm Kiểm lâm Phú Sơn - Bản suối Tôn - Thác Sơn Dương - 15 km.

+ Tuyến 6: Trạm Kiểm lâm Nam Tiến - Bản Cốc - Thác Bang - 10 km.

+ Tuyến 7: Trung tâm GDMT & DV - Trạm Kiểm lâm Pá Quăn - Bản Co Cài, Cánh Cộn, Tà Cóm - Trạm Kiểm lâm Tà Cóm - 35 km.

* Giai đoạn 2026-2030, ưu tiên triển khai 03 tuyến du lịch theo đúng Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030. Giai đoạn 2031-2035, sẽ phát triển bổ sung 04 tuyến du lịch. Các tuyến bổ sung trong giai đoạn 2031-2035 chỉ được xem xét triển khai khi đáp ứng đồng thời hai điều kiện: (1) được nghiên cứu quy hoạch chi tiết trong giai đoạn 2031-2035; (2) được cập nhật và tích hợp chính thức vào Phương án quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu giai đoạn 2031-2040 theo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ biểu 04 đính kèm)

b) Tuyến liên vùng (08 tuyến)

- Tuyến du lịch sinh thái (05 tuyến):

+ Tuyến 1: Khu BTTN Pù Hu - Khu BTTN Pù Luông

+ Tuyến 2: Khu BTTN Pù Hu - VQG Bến En

+ Tuyến 3: Khu BTTN Pù Hu - Lòng hồ Vinh Quang

- + Tuyến 4: Khu BTTN Pù Hu - Thủy điện Trung Sơn
- + Tuyến 5: Khu BTTN Pù Hu - Sông Mã
- Tuyến du lịch văn hoá, lịch sử, tâm linh (01 tuyến):
- + Tuyến 6: Khu BTTN Pù Hu - Hang Phi, Hang Co Phường, Hang Nàng Mọn ...
- Tuyến du lịch văn hoá, cộng đồng (02 tuyến):
- + Tuyến 7: Khu BTTN Pù Hu - Bản Bút, Bản Vinh Quang, Bản Páng, Khăm, Cổng trời Mường Lát, Bản Bút, Bản Lở...
- + Tuyến 8: Khu BTTN Pù Hu - Bản Lác

4.4. Giải pháp thực hiện Đề án

4.4.1. Giải pháp về vốn, nguồn lực đầu tư

a) Nhu cầu kinh phí thực hiện, nguồn vốn, phân kỳ đầu tư

Kinh phí dự kiến thực hiện Đề án: 598.253 triệu đồng (*Bằng chữ: Năm trăm chín mươi tám tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu đồng*).

- Phân theo nguồn vốn:

+ Ngân sách Nhà nước: 224.353 triệu đồng, chiếm 37,50%, trong đó: Chi thường xuyên: 6.000 triệu đồng; chi đầu tư: 218.353 triệu đồng.

+ Kêu gọi đầu tư, xã hội hóa: 338.400 triệu đồng, chiếm 56,56% tổng mức đầu tư.

+ Các nguồn vốn hợp pháp khác: 35.500 triệu đồng, chiếm 5,93% tổng mức đầu tư.

- Phân kỳ đầu tư:

+ Giai đoạn 2026-2030: 256.022 triệu đồng chiếm 42,79% tổng mức đầu tư.

+ Giai đoạn 2031-2035: 342.231 triệu đồng chiếm 57,21% tổng mức đầu tư.

(Chi tiết tại Phụ biểu 05 đính kèm)

b) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư: Trong giai đoạn 2026-2030 ưu tiên triển khai đầu tư 03 dự án du lịch. Đối với các dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng nếu được triển khai, chủ đầu tư phải lập các dự án đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện các trình tự thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(Chi tiết tại Phụ biểu 06 đính kèm)

c) Các giải pháp cụ thể

- Huy động vốn từ ngân sách nhà nước: Kinh phí ngân sách nhà nước thực

hiện Đề án được bố trí theo khả năng cân đối ngân sách hằng năm và theo phân cấp ngân sách hiện hành; ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ đầu tư các hạng mục hạ tầng thiết yếu, phục vụ công tác bảo tồn và sinh kế vùng đệm. Các dự án đầu tư cụ thể chỉ được triển khai sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án và bố trí nguồn vốn theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan, các nhiệm vụ ưu tiên gồm:

+ Hỗ trợ xây dựng hạ tầng thiết yếu: Đầu tư hạ tầng phục vụ bảo vệ rừng và hỗ trợ du lịch như đường tuần tra kết hợp tham quan du lịch, bãi đỗ xe, nhà vệ sinh, hệ thống biển chỉ dẫn tại các điểm du lịch Pù Hu, Pha Khao, Khe Yên và Trung tâm Giáo dục Môi trường và Dịch vụ. Nâng cấp hệ thống cấp thoát nước, điện năng lượng mặt trời tại Trung tâm thông tin du lịch và các trạm kiểm lâm Trung Sơn, Trung Thành, Phú Sơn để phục vụ tuần tra, giám sát và hỗ trợ hoạt động du lịch.

+ Hỗ trợ nhiệm vụ bảo tồn và sinh kế vùng đệm: Bảo vệ và phát triển rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, trồng rừng, làm giàu rừng và cứu hộ các loài nguy cấp quý hiếm. Đầu tư nghiên cứu hệ sinh thái, áp dụng công nghệ theo dõi diễn biến rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. Hỗ trợ người dân vùng đệm phát triển sinh kế, khuyến lâm và đào tạo nâng cao kiến thức du lịch cộng đồng.

Kế hoạch hóa đầu tư: Việc đề xuất vốn ngân sách nhà nước được phân kỳ theo từng giai đoạn của Đề án du lịch và phù hợp với danh mục hạng mục ưu tiên tại các điểm: Trung tâm thông tin du lịch; Trung tâm Giáo dục Môi trường và Dịch vụ; Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pù Hu; Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Khe Yên; Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Yên; Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Chiềng.

- Huy động vốn xã hội và doanh nghiệp

Nguồn vốn xã hội hóa là động lực chính để triển khai các hạng mục du lịch mang tính thương mại. Các giải pháp gồm:

+ Cho thuê môi trường rừng: Sau khi Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí được phê duyệt, Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu sẽ lập hồ sơ kỹ thuật lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng theo khoản 6 Điều 1 Nghị định 91/2024. Nhà đầu tư tự bố trí toàn bộ vốn cho các hạng mục du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí theo đề án được duyệt.

+ Liên doanh liên kết và thu hút doanh nghiệp: Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu sẽ công khai Phương án tổ chức kinh doanh du lịch phù hợp với Đề án du lịch. Kêu gọi doanh nghiệp lữ hành và nhà đầu tư tham gia các sản phẩm trekking, glamping, homestay gắn với văn hóa bản địa và nghỉ dưỡng sinh thái. Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư và kết nối doanh nghiệp tại Thanh Hóa và các địa phương.

+ Hợp tác với các tổ chức bảo tồn và quỹ môi trường: Khu Bảo tồn thiên

nhiên Pù Hu sẽ tìm kiếm nguồn vốn viện trợ không hoàn lại cho hoạt động bảo tồn gắn với phát triển du lịch. Phối hợp các tổ chức quốc tế để triển khai các chương trình phục hồi hệ sinh thái, quản lý rừng và chia sẻ lợi ích từ du lịch.

- Huy động từ cá nhân và cộng đồng địa phương

- + Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu sẽ hợp tác cộng đồng tổ chức các dịch vụ lưu trú cộng đồng, biểu diễn văn nghệ, ẩm thực, hướng dẫn viên bản địa và trải nghiệm nông nghiệp. Khuyến khích các hộ dân và cá nhân có khả năng tài chính đầu tư dịch vụ ăn uống, sản phẩm lưu niệm và dịch vụ du lịch khác trong khu bảo tồn.

- + Phát triển các mô hình sinh kế du lịch qua việc xây dựng mô hình chia sẻ lợi ích giữa chủ rừng và cộng đồng trong cung ứng dịch vụ du lịch. Tạo điều kiện đào tạo kỹ năng du lịch, quản trị dịch vụ, an toàn du lịch và bảo tồn.

- + Đa dạng hóa nguồn thu từ hoạt động du lịch thông qua xây dựng chính sách thu phí tham quan công bằng và hợp lý để tái đầu tư vào bảo tồn và nâng cấp hạ tầng. Phát triển các gói dịch vụ chuyên biệt như trekking, cắm trại, quan sát động vật hoang dã và trải nghiệm văn hóa dân tộc. Thành lập Quỹ phát triển du lịch cộng đồng của Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu; vận động doanh nghiệp và tổ chức phi chính phủ đóng góp để hỗ trợ nâng cấp cơ sở vật chất và đào tạo kỹ năng du lịch.

4.4.2. Các giải pháp về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường

a) Giải pháp bảo vệ rừng

- Thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát các tuyến đường mòn, tuyến du lịch trong Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu để kịp thời nắm bắt tình hình, phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm đến rừng và đất rừng của khu bảo tồn bao gồm các hoạt động du lịch và hoạt động của du khách.

- Tăng cường công tác giám sát các hoạt động du lịch có sự phối hợp với lực lượng kiểm lâm tại các trạm kiểm lâm trên địa bàn và đưa ra các quy định về hoạt động tham quan, hoạt động lưu trú, đi lại tự do và các khu vực cấm, thời gian của các hoạt động tại khu vực lưu trú đảm bảo không ảnh hưởng tới hệ sinh thái và hệ động thực vật tại khu vực.

b) Giải pháp phát triển rừng

- Tăng cường công tác tuyên truyền, định kỳ phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức các đợt tuyên truyền các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ rừng cũng như đánh giá tác động của hoạt động du lịch tới môi trường rừng để các đối tượng như cộng đồng địa phương các xã vùng đệm, khách du lịch nhận thức và nâng cao trách nhiệm trong công tác bảo vệ rừng, tiếp tục vận động và tuyên truyền cho người dân các xã vùng đệm cam kết không khai thác lâm sản trái phép trong Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- Tổ chức các chương trình du lịch, các tour du lịch theo các chủ đề trong đó nhấn mạnh đến công tác giáo dục môi trường, diễn giải môi trường nhằm nhấn mạnh vai trò của rừng và trách nhiệm của khách du lịch và cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ tài nguyên rừng tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

c) Giải pháp bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học

- Phối hợp, hợp tác với các tổ chức cứu hộ động vật hoang dã, các tổ chức về bảo tồn thiên nhiên trong nước và quốc tế thiết lập các trung tâm cứu hộ động thực vật nguy cấp, cứu hộ và phát triển các loài động thực vật đặc hữu của Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu nhằm góp phần trong việc diễn giải môi trường, phát triển du lịch tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- Tiếp tục phát triển các hoạt động cứu hộ và nuôi bán hoang dã các loài động vật hoang dã trong Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu. Tăng cường vận động, gây quỹ từ các cá nhân, tổ chức cho hoạt động cứu hộ, chăm sóc động vật hoang dã.

- Xây dựng các chương trình du lịch tham quan, xem động vật hoang dã, các chương trình tìm hiểu về hệ thống thực vật đặc trưng của Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu. Các chương trình tham quan này cần có sự giám sát chặt chẽ của lực lượng hướng dẫn viên, kiểm lâm viên nhằm đảm bảo an toàn cho khách du lịch và các loài động thực vật, đảm bảo không ảnh hưởng đến tập tính của các loài động vật hoang dã.

d) Giải pháp bảo vệ môi trường

- Khi xây dựng các công trình mới hay nâng cấp các công trình phát triển du lịch trong Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu phải tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường, Luật xây dựng cũng như các quy định trong Luật Lâm nghiệp. Thống nhất định hướng xây dựng phải gắn với bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với thiên nhiên như gạch tái chế, các đồ vật có thể tái chế, gỗ tận dụng.

- Thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về môi trường đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ trong hoạt động du lịch.

- Thực hiện các đề tài khoa học, dự án liên quan đến công tác bảo tồn, phát triển bền vững như: Nghiên cứu trồng các loài cây bản địa, trồng các loài dược liệu dưới tán rừng để gắn với hoạt động tham quan, học tập của khách du lịch; Dự án tìm kiếm, cứu hộ, bảo tồn và tái thả động vật quý hiếm, động vật đặc hữu, hoang dã gắn với hoạt động trải nghiệm sinh thái cho khách du lịch; Điều tra, khảo sát để xây dựng đề án cho thuê môi trường rừng.

- Thu hút đầu tư và khuyến khích cá nhân/hộ gia đình sinh sống tại vùng đệm đầu tư phương tiện thay thế (xe đạp, xe điện, thuyền nan, thuyền điện) nhằm phục vụ vận chuyển khách du lịch giữa các điểm tham quan nhưng hạn chế phát sinh khói bụi và tiếng ồn.

- Bố trí hệ thống xe điện, xe đạp hỗ trợ du khách đi lại trong Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu khi các điểm tham quan/du lịch đi vào hoạt động với mục tiêu không xả khói thải, tiếng ồn làm ảnh hưởng tới môi trường sống của các loài động, thực vật trong khu bảo tồn.

- Bố trí các thùng rác dưới hình thức sinh thái, bắt mắt ở vị trí hợp lý để du khách phân loại và để đúng nơi quy định. Ngoài ra cần có các khẩu hiệu in trên các thùng rác như Hãy cho tôi ăn rác, phân loại rác thải bạn là người văn minh...

- Vận động cộng đồng dân cư sống gần rừng phòng hộ phân loại rác đúng cách trước khi thu gom góp phần giảm thiểu ô nhiễm, nâng cao nhận thức cộng đồng và tiết kiệm chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Phối hợp với cộng đồng, các doanh nghiệp du lịch/lữ hành trên địa bàn xây dựng bộ khẩu hiệu “hành động vì môi trường” nhằm thay đổi hành vi của du khách về vấn đề môi trường.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các chương trình “vì thiên nhiên” như đổi rác lấy cây, đổi chai nhựa lấy bình nước, sự kiện trồng rừng, sự kiện dọn rác... nhằm nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên, cộng đồng và khách du lịch trong vấn đề bảo vệ môi trường (tên chương trình mang tính tham khảo).

4.4.3. Giải pháp phòng cháy, chữa cháy

- Định kỳ xây dựng các chương trình tập huấn cho nhân viên, người dân địa phương công tác tập huấn phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn du lịch.

- Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy rừng theo từng giai đoạn, trong đó xác định các khu vực trọng điểm dễ cháy rừng trong mùa khô hàng năm.

- Đầu tư hệ thống cảnh báo cháy sớm bằng cảm biến nhiệt và camera giám sát tại các khu vực có nguy cơ cao.

- Trang bị các thiết bị chữa cháy cơ động như bình chữa cháy, máy bơm nước di động, bể chứa nước dự phòng tại các điểm du lịch trọng yếu.

- Tổ chức tập huấn thường xuyên về phòng cháy chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm, hướng dẫn viên, người dân địa phương và các đơn vị kinh doanh du lịch.

- Phối hợp với cơ quan chức năng để xây dựng mạng lưới ứng cứu nhanh khi có sự cố cháy rừng, đảm bảo không ảnh hưởng đến du khách.

- Khuyến khích các doanh nghiệp du lịch cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy rừng, không sử dụng bếp lửa mở, đốt rác hoặc tổ chức các hoạt động có nguy cơ cháy cao.

- Tích hợp yếu tố bảo vệ rừng và phòng cháy vào các chương trình giáo dục du lịch sinh thái nhằm nâng cao ý thức của du khách về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

4.4.4. Phương thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Phương thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 53 Luật Lâm nghiệp, gồm 03 phương thức: Tự tổ chức; hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân; cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.

a) Đối với hình thức tự thực hiện:

- Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu ưu tiên lập kế hoạch tự tổ chức hoạt động du lịch tại Trung tâm thông tin du lịch; Trung tâm Giáo dục Môi trường và Dịch vụ (đầu mối giáo dục môi trường, đón tiếp khách, tổ chức chương trình trải nghiệm); Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pù Hu, Khe Yên, Pha Khao (trong khu vực phục vụ nhiệm vụ bảo tồn hoặc cơ sở hạ tầng do Nhà nước đầu tư). Các điểm có tính nhạy cảm về sinh thái như: thác Pù Hu, đỉnh Pù Hu, thác Khặt, thác Sơn Dương, cụm cây Chò xanh cổ thụ, tuyến trekking lên đỉnh Pù Hu.

- Dựa vào các định hướng phát triển du lịch được đề xuất, Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu chủ động lập dự án và kinh phí để thực hiện. Kinh phí lập dự án được cân đối trong kế hoạch tài chính hằng năm từ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng hoặc các nguồn tài chính hợp pháp khác.

- Tổ chức các dịch vụ như hướng dẫn viên, lưu trú sinh thái, giáo dục môi trường nhằm tạo nguồn thu trực tiếp cho Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

b) Đối với hình thức liên doanh liên kết:

- Hợp tác với các công ty du lịch, tổ chức lữ hành để mở rộng các tour tuyến và nâng cao chất lượng dịch vụ. Tập trung hợp tác phát triển các điểm Trung tâm Giáo dục Môi trường và dịch vụ (liên kết tổ chức sự kiện, MICE, hoạt động giáo dục môi trường). Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pù Hu, Khe Yên, Pha Khao (liên kết phát triển dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng, thể thao ngoài trời, spa tự nhiên...). Điểm trải nghiệm nông nghiệp Bản Chiềng và Bản Yên (liên kết với hợp tác xã, doanh nghiệp du lịch để tổ chức farm-tour, trình diễn nông nghiệp, sản phẩm OCOP).

- Liên kết với các đơn vị có kinh nghiệm để phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù như du lịch trải nghiệm thiên nhiên, du lịch nghiên cứu khoa học.

- Kinh phí lập dự án theo hình thức này do các bên liên kết thỏa thuận và cùng đầu tư.

c) Đối với hình thức cho thuê môi trường rừng:

- Xác định các khu vực cho thuê môi trường rừng và thiết lập các nguyên tắc kêu gọi đơn vị thuê môi trường rừng. Ưu tiên lập phương án cho thuê môi trường rừng tại Điểm trải nghiệm nông nghiệp Bản Chiềng; Điểm trải nghiệm nông nghiệp Bản Yên; Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pù Hu; Điểm nghỉ dưỡng sinh

thái Khe Yên; Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pha Khao.

- Các quy trình, thủ tục cho thuê và giá cho thuê môi trường rừng phải tuân thủ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Trong đó giá cho thuê được các bên tự thỏa thuận nhưng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê trong phạm vi diện tích thuê. Với các khu vực có giá trị sinh thái và tiềm năng du lịch cao, có thể điều chỉnh mức giá tối thiểu lên 1,5% - 2% tổng doanh thu nhằm tối ưu hóa nguồn thu.

- Trường hợp có từ hai tổ chức, cá nhân trở lên cùng đề nghị thuê, sẽ tổ chức đấu giá với mức giá khởi điểm không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê trong phạm vi diện tích thuê.

- Cho phép nhà đầu tư đề xuất các phương án đóng góp cho công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển cộng đồng địa phương để được ưu tiên trong quá trình xét duyệt hợp đồng.

- Hình thành Quỹ bảo vệ và phát triển rừng từ một phần nguồn thu cho thuê để tái đầu tư vào công tác bảo tồn và phát triển du lịch tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

4.4.5. Giá cho thuê môi trường rừng

- Thực hiện cho thuê môi trường rừng đối với một hoặc nhiều vị trí mà nhà đầu tư quan tâm để phát triển dịch vụ du lịch sinh thái theo quy định của pháp luật. Việc xây dựng mới các công trình phục vụ du lịch phải tuân thủ quy định theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

- Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu căn cứ hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân, tổ chức đánh giá để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng bảo đảm theo tiêu chí của hồ sơ kỹ thuật và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn của mình. Trường hợp chỉ có một tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, chủ rừng tiến hành đàm phán, ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, bảo đảm giá thuê môi trường rừng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng. Trường hợp có hai tổ chức, cá nhân trở lên đủ điều kiện thì chủ rừng lựa chọn tổ chức, cá nhân có số điểm đánh giá hồ sơ cao nhất; trong đó, yếu tố giá là một tiêu chí trong hồ sơ kỹ thuật, bảo đảm không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng.

- Giá cho thuê môi trường rừng trong hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân được tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu và phải quy ra giá trị tuyệt đối để chủ rừng đánh giá, được ghi rõ trong hợp đồng cho thuê môi trường rừng. Trường hợp sau khi ký hợp đồng, tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu theo thực tế được quy ra giá trị tuyệt đối thấp hơn mức giá trị tuyệt đối ghi trong hợp đồng ký kết thì số tiền tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng nộp cho chủ rừng tối thiểu

bằng số tiền ghi trong hợp đồng.

- Thời gian thuê môi trường rừng không quá 30 năm, định kỳ 05 năm đánh giá việc thực hiện hợp đồng, hết thời gian cho thuê nếu bên thuê thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu gia hạn thì chủ rừng xem xét kéo dài thời gian cho thuê không quá hai phần ba thời gian thuê lần đầu.

- Trước khi ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng theo mẫu tại Phụ lục IA kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024, chủ rừng phải thực hiện kiểm kê, thống kê hiện trạng rừng theo trạng thái trên diện tích cho thuê môi trường rừng để làm căn cứ bàn giao mốc giới, hiện trạng và quản lý, giám sát, đánh giá việc thực hiện hợp đồng. Bên thuê phải lập phương án và kế hoạch thực hiện để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong phương án phải bao gồm bản vẽ tổng mặt bằng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của khu rừng đặc dụng tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000: Xác định chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng, chiều cao công trình đối với từng tuyến, điểm; vị trí, quy mô các công trình ngầm; các yêu cầu khác bảo đảm khai thác, quản lý rừng bền vững (nếu có); Bản đồ tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 và thuyết minh về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: khu vực dự kiến điểm đầu nối và mạng lưới giao thông; đường cáp trên không gồm tuyến cáp, nhà ga và trụ đỡ; hệ thống đầu nối và khả năng cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy.

5. Trách nhiệm tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu phối hợp với các chủ đầu tư, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan thực hiện thường xuyên. Việc đánh giá và giám sát nhằm đảm bảo hạn chế những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch tới thiên nhiên và môi trường, hoạt động giám sát sẽ bao gồm:

- Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội địa phương trong việc giám sát hoạt động đầu tư xây dựng và hoạt động kinh doanh du lịch.

- Giám sát đánh giá việc xây dựng các công trình theo đúng quy hoạch và tiến độ để đảm bảo không có các vi phạm và quản lý các tác động và ô nhiễm nếu có.
- Giám sát các hoạt động kinh doanh du lịch về nội dung hoạt động và các yếu tố an toàn cho người tham gia.

- Giám sát các hoạt động theo báo cáo tác động môi trường, hoặc cam kết bảo vệ môi trường để đảm bảo tính tuân thủ và việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu, bồi hoàn.

- Giám sát hoạt động phối hợp giữa các bên tham gia hoạt động du lịch sinh thái trong Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hướng dẫn, chỉ đạo Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu phối hợp các sở, ngành, cơ quan chức năng có liên quan và UBND các xã tổ chức công bố công khai rộng rãi nội dung của Đề án trên các phương tiện truyền thông để các ban, ngành, các xã và Nhân dân trên địa bàn biết và thực hiện; kiểm tra giám sát hoạt động du lịch liên quan đến phát triển nông, lâm nghiệp.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu trong suốt quá trình triển khai, thực hiện các nội dung, hoạt động của Đề án, đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định về đầu tư, đất đai, lâm nghiệp, du lịch, bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật liên quan.

- Chỉ đạo Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu và các đơn vị có liên quan tổ chức tốt công tác bảo vệ tài nguyên rừng, bảo vệ cảnh quan, môi trường rừng, góp phần tích cực trong hỗ trợ phát triển du lịch bền vững trong Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án liên quan đến công tác quản lý đất đai, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, lập hồ sơ môi trường, xử lý chất thải đối với các dự án đầu tư; các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và dân sinh trên địa bàn.

- Thực hiện lồng ghép thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn gắn với phát triển du lịch trên địa bàn Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách, nguồn vốn để hỗ trợ đẩy mạnh đầu tư phát triển Đề án, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tăng cường công tác hướng dẫn nghiệp vụ du lịch, các quy định của pháp luật trong hoạt động du lịch nói chung và hoạt động du lịch tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu nói riêng.

- Phối hợp khảo sát và nâng cao năng lực cho cộng đồng địa phương; quản lý chặt chẽ các hoạt động và sản phẩm du lịch nhằm hạn chế các vấn đề có nguy cơ về mặt kinh tế, văn hóa - xã hội tại địa phương.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến quảng bá du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng đến với du khách trong nước và quốc tế, tổ chức giới thiệu sản phẩm cho các công ty lữ hành quốc tế và lữ hành nội địa, tăng cường quảng bá du lịch trên các phương tiện truyền thông trong và ngoài nước để thu hút khách du lịch.

- Kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn các xã vùng đệm đảm bảo theo đúng quy định.

3. Sở Tài chính

- Căn cứ vào khả năng ngân sách, tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn trình tự, thẩm định các dự án đầu tư phát triển du lịch theo thẩm quyền.

4. Sở Xây dựng

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu và các đơn vị liên quan chấp hành, triển khai các hoạt động liên quan đến lĩnh vực quy hoạch xây dựng, đầu tư xây dựng các dự án xây dựng thuộc phạm vi đề án. Phối hợp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu chấp hành, triển khai các hoạt động liên quan đến lĩnh vực giao thông của các dự án đầu tư du lịch trên địa bàn; quản lý hoạt động giao thông, các công trình giao thông, các phương tiện theo phân công, phân cấp quản lý.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng khi triển khai xây dựng các công trình phục vụ phát triển du lịch.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới trong bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển du lịch bền vững tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- Hỗ trợ tổ chức các chương trình hỗ trợ chuyển giao công nghệ và kỹ thuật hiện đại cho các doanh nghiệp và cơ quan quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, giúp nâng cao hiệu quả trong quản lý tài nguyên và phục vụ du khách.

- Hỗ trợ xây dựng và triển khai các chiến dịch truyền thông nhằm quảng bá hình ảnh và giá trị của Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu đến với công chúng trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ phát triển và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm các hệ thống truyền thông số và cổng thông tin điện tử, giúp tăng cường khả năng tiếp cận thông tin và dịch vụ du lịch tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- Hỗ trợ và hướng dẫn đảm bảo an ninh mạng và bảo mật thông tin liên quan đến các hoạt động quảng bá và tiếp cận du khách trực tuyến, đặc biệt là qua các nền tảng mạng xã hội và website của Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

6. Sở Ngoại vụ

- Hỗ trợ phát triển kinh tế đối ngoại và du lịch thông qua các chương trình

hợp tác, liên kết quốc tế, thúc đẩy liên kết, hợp tác về du lịch, đầu tư vào du lịch tỉnh cũng như Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- Giới thiệu về tài nguyên du lịch văn hóa, lịch sử, cảnh quan thiên nhiên, con người đến các cơ quan đối ngoại của các nước thông qua các cuộc gặp gỡ, trao đổi giữa các đoàn ngoại giao quốc tế...

7. Công an tỉnh

Chỉ đạo Công an cấp xã tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch là người nước ngoài đăng ký làm thủ tục theo quy định. Phân công cán bộ theo dõi, phụ trách địa bàn có điểm du lịch, các cơ sở kinh doanh du lịch, đảm bảo an ninh, an toàn cho du khách. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở kinh doanh du lịch thu hút và tổ chức các hoạt động dịch vụ cho khách du lịch, hướng dẫn thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa

Thực hiện tuyên truyền, quảng bá, tăng cường thời lượng, tin bài giới thiệu tiềm năng du lịch của Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

9. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và Hiệp hội Du lịch tỉnh

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch trong xây dựng, phát triển các sản phẩm du lịch, xúc tiến quảng bá du lịch của Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về du lịch, đánh giá, thẩm định chuyên môn, nghiệp vụ, chất lượng dịch vụ cho các doanh nghiệp và người lao động du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng môi trường kinh doanh du lịch lành mạnh cho các hội viên, huy động nguồn lực xã hội để triển khai hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

10. UBND các xã vùng đệm

- Phối hợp với Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu triển khai hoạt động du lịch trên địa bàn.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn xây dựng kế hoạch tôn tạo, phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống, lễ hội, trên địa bàn để phục vụ du lịch.

- Chỉ đạo các ngành có liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động du lịch, quản lý hoạt động, đảm bảo an toàn cho du khách; tăng cường giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường tại các điểm du lịch trên địa bàn.

- Tăng cường quảng bá, xúc tiến đầu tư thu hút các nhà đầu tư du lịch; tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các hoạt động du lịch.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đến đầu tư du lịch tại địa bàn.

- Ưu tiên cân đối từ nguồn ngân sách xã để thực hiện một số hạng mục đầu tư trong Đề án.

- Hướng dẫn Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu và các đơn vị liên quan thực hiện hồ sơ thủ tục các dự án đầu tư xây dựng dự án thuộc phạm vi đề án theo quy định của pháp luật; giải quyết các hồ sơ thủ tục xây dựng dự án (quy hoạch, thiết kế, cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu,...) thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công, phân cấp.

- Điều phối và liên kết nguồn lực giữa các cấp chính quyền, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng địa phương qua các cuộc họp, hội thảo định kỳ nhằm thống nhất chiến lược phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí trong rừng.

- Phát triển sản phẩm du lịch độc đáo bằng cách khai thác giá trị văn hóa, tâm linh và truyền thống bản địa thông qua lễ hội, nghi lễ tâm linh, trải nghiệm ẩm thực, nghề truyền thống và các tour tham quan rừng đặc dụng kết hợp với đời sống cộng đồng.

- Đầu tư hạ tầng và nâng cao năng lực cộng đồng thông qua cải thiện giao thông, điểm dừng chân và các tiện ích phục vụ khách du lịch, đồng thời triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng cho người dân.

- Hỗ trợ quảng bá và xây dựng thương hiệu du lịch Pù Hu thông qua chiến dịch truyền thông đa kênh, hợp tác với doanh nghiệp và tổ chức chuyên ngành để giới thiệu hình ảnh độc đáo của vùng và thu hút khách du lịch trong nước, quốc tế.

11. Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu

Sau khi Đề án được UBND tỉnh phê duyệt, có trách nhiệm quản lý chặt chẽ mọi hoạt động trên địa bàn được giao quản lý theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Du lịch và các quy định có liên quan, tổ chức triển khai thực hiện, tập trung các nội dung chính như sau:

- Công bố công khai các nội dung của Đề án; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung Đề án; hằng năm, xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án; đề xuất xây dựng các chương trình, dự án, nhiệm vụ trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động đã được phê duyệt trong Đề án, đảm bảo khai thác có hiệu quả các giá trị tự nhiên - văn hóa và chức năng của Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu; thu hút đầu tư, liên doanh, liên kết, cho thuê môi trường rừng để phát triển du lịch theo Đề án được duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân lập dự án đầu tư theo phương thức tự tổ chức, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng theo từng giai đoạn trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn tiến hành khảo sát, đánh giá đầy đủ về tự nhiên, môi trường. Tổ chức cho các doanh nghiệp thuê, khoán môi trường rừng để phát triển du lịch, khi các doanh

nghiệp có đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phối hợp với các doanh nghiệp trong công tác quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng và thực hiện các giải pháp kỹ thuật lâm sinh. Giám sát các doanh nghiệp thi công các công trình trên diện tích được thuê, khoán rừng nhằm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp, liên kết với người dân vùng đệm đầu tư, xây dựng phát triển sản phẩm du lịch; khôi phục và phát huy các loại hình văn hóa, nghệ thuật dân gian, ngành, nghề thủ công truyền thống; sản xuất hàng hóa của địa phương phục vụ du khách, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân địa phương.

- Thực hiện đúng những quy định về tổ chức hoạt động du lịch theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Du lịch và các quy định có liên quan. Quản lý chặt chẽ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, không để xảy ra các ảnh hưởng tiêu cực đến các hệ sinh thái rừng trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động du lịch, đề xuất cơ quan thẩm quyền xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động du lịch trên địa bàn.

- Sử dụng hợp lý có hiệu quả nguồn kinh phí đầu tư, tiền cho thuê, khoán môi trường rừng để đầu tư cho các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, phục hồi vốn rừng, xây dựng cơ sở hạ tầng và góp phần phát triển kinh tế xã hội vùng đệm.

- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo hoạt động du lịch định kỳ hàng năm.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan.

12. Trách nhiệm của cộng đồng địa phương

- Khuyến khích đầu tư các dịch vụ phục vụ du lịch như: nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống, các sản phẩm thủ công, các lễ hội truyền thống, ... của địa phương.

- Hình thành các nhóm du lịch cộng đồng của từng thôn, bản, phân chia theo dịch vụ du lịch. Đồng thời, xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý du lịch cộng đồng, phương thức chia sẻ lợi ích, hướng tới phục vụ chuyên nghiệp và có tổ chức.

- Tham gia các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn văn hóa truyền thống, giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan, góp phần bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội,...

13. Trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển du lịch

- Tổ chức dịch vụ du lịch phải tuân thủ pháp luật của Nhà nước, những quy định của chính quyền địa phương và Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu. Có trách nhiệm quản lý bảo tồn, tôn tạo cảnh quan môi trường, giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, thực hiện du lịch theo hướng phát triển bền vững. Có trách nhiệm quản lý, bảo vệ toàn bộ diện tích rừng và đất rừng được thuê, khoán môi trường. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, địa phương và Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- Tổ chức thực hiện theo dự án được phê duyệt, dưới sự kiểm tra, giám sát của Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu và các cơ quan chức năng của địa phương.

- Tôn trọng các cộng đồng địa phương và văn hóa truyền thống của người dân địa phương, góp phần tích cực vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng, tôn tạo các di tích văn hóa, lịch sử, các công trình phúc lợi trên địa bàn.

- Được khuyến khích hợp tác, thực hiện các hoạt động du lịch có sự tham gia của cộng đồng địa phương, khuyến khích ưu tiên sử dụng và đào tạo lao động địa phương. Tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân nêu cao ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và truyền thống văn hóa của địa phương, giúp đồng bào phát triển kinh tế, tăng thu nhập.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành, đơn vị: Nông nghiệp và Môi trường; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài chính; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Ngoại vụ; Công an tỉnh; Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã vùng đệm; Giám đốc Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

Phụ biểu 01: Điểm du lịch Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu

Điểm du lịch		Vị trí	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Mục đích	Thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức
Điểm trải nghiệm sinh thái Pù Hu	Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Chiềng	Khoảnh 4, Tiểu khu 24, phân khu Dịch vụ hành chính	5,0 ha	Cảnh quan nông thôn miền núi đặc trưng với ruộng bậc thang, nương ngô, rừng luồng và không gian sinh hoạt của người Thái. Hạ tầng giao thông là đường đất, chưa có các công trình dịch vụ du lịch chuyên biệt.	- Du lịch sinh thái - Du lịch nông nghiệp - Du lịch cộng đồng - Du lịch nghiên cứu và học tập chuyên đề - Các loại hình phù hợp khác	2026 - 2030	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng
	Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pù Hu	Khoảnh 4, Tiểu khu 24, phân khu Dịch vụ hành chính	42,0 ha	Khu vực đồi thấp xen ruộng bậc thang, tầm nhìn hướng sông Mã và thủy điện Trung Sơn. Có sân điện lưới, nước suối; đường vào xe ô tô 7-16 chỗ tiếp cận được. Hiện trạng chủ yếu là đất trống và rừng hỗn giao, chưa có công trình kiên cố phục vụ du lịch.	- Du lịch sinh thái - Du lịch văn hoá cộng đồng - Du lịch nông nghiệp - Du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe - Các loại hình phù hợp khác	2026 - 2030	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng
Điểm trải nghiệm sinh thái Khe Yên	Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Yên	Khoảnh 5, Tiểu khu 98, phân khu Dịch vụ hành chính	5,0 ha	Cấu trúc bản Thái truyền thống dọc suối Khe Yên với nhà sàn, guồng nước và ruộng lúa. Đường vào là đường đất cấp phối, di chuyển được bằng xe gầm cao.	- Du lịch sinh thái - Du lịch nông nghiệp - Du lịch cộng đồng - Du lịch nghiên cứu và học tập chuyên đề - Các loại hình phù hợp khác	2026 - 2030	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng
	Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Khe Yên	Khoảnh 3, 4, 5, Tiểu khu 98, phân khu Dịch vụ hành chính	69,28 ha	Thung lũng dọc suối Khe Yên với hệ thống thác, bãi đá và rừng tự nhiên nguyên sơ. Chưa có điện lưới và sóng điện thoại ổn định; chưa có công trình hạ tầng du lịch.	- Du lịch sinh thái - Du lịch nghiên cứu và học tập chuyên đề - Du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe - Du lịch thể thao mạo hiểm	2031 - 2035	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng

					- Du lịch văn hoá cộng đồng - Du lịch nông nghiệp - Du lịch MICE - Các loại hình phù hợp khác		
	Trung tâm Giáo dục Môi trường & Dịch vụ	Khoảnh 5, Tiểu khu 98, phân khu Dịch vụ hành chính	25,72 ha	Khu vực đất trống, trồng cỏ và rừng tái sinh ven suối, thuộc khu vườn thực vật, nằm giữa Bản Yên và điểm Khe Yên. Hiện chưa có công trình xây dựng.	- Du lịch sinh thái - Du lịch sáng tạo - Du lịch văn hoá cộng đồng - Du lịch MICE - Du lịch nghiên cứu và học tập chuyên đề - Các loại hình phù hợp khác	2031 - 2035	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết
Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pha Khao		Khoảnh 6, Tiểu khu 29, Rừng sản xuất (xã Phú Lệ)	9,28 ha	Cảnh quan núi đá vôi, hang động (hang Pha Khao, hang Dùn) và rừng tự nhiên. Tiếp cận bằng đường mòn từ bản En, hạ tầng còn sơ khai.	- Du lịch sinh thái - Du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe - Du lịch địa học - Du lịch văn hoá cộng đồng - Du lịch vui chơi giải trí - Các loại hình phù hợp khác	2031 - 2035	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê môi trường rừng
Tổng diện tích các điểm du lịch			156,28 ha				

Phụ biểu 02: Vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Địa điểm		Vị trí	Quy mô	Vật liệu	Chiều cao	Mật độ	Tỷ lệ dự kiến	Thời gian tồn tại
Điểm trải nghiệm sinh thái Pù Hu	Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Chiềng	K 4, TK 24, phân khu Dịch vụ hành chính	5 ha	Xây dựng bằng bê tông, sắt thép và ưu tiên kết hợp vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường.	Không quá 12m	0,25/5 ha	5%	Không quá 30 năm
	Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pù Hu	K 4, TK 24, phân khu Dịch vụ hành chính	42 ha	Xây dựng bằng bê tông, sắt thép và ưu tiên kết hợp vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường.	Không quá 12m	2,1/42 ha	5%	Không quá 30 năm
Điểm trải nghiệm sinh thái Khe Yên	Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Yên	K 5, TK 98 phân khu Dịch vụ hành chính	5 ha	Xây dựng bằng bê tông, sắt thép và ưu tiên kết hợp vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường.	Không quá 12m	0,25/5 ha	5%	Không quá 30 năm
	Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Khe Yên	K 3, 4, 5, TK 98, phân khu Dịch vụ hành chính	69,28 ha	Xây dựng bằng bê tông, sắt thép và ưu tiên kết hợp vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường.	Không quá 12m	3,46/69,28 ha	5%	Không quá 30 năm
	Trung tâm Giáo dục Môi trường và Dịch vụ	K 5, TK 98, phân khu Dịch vụ hành chính	25,72 ha	Xây dựng bằng bê tông, sắt thép và ưu tiên kết hợp vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường.	Không quá 12m	1,29/25,72 ha	5%	Không quá 30 năm
Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pha Khao		K 6, TK 29, rừng sản xuất.	9,28 ha	Xây dựng bằng bê tông, sắt thép và ưu tiên kết hợp vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường.	Không quá 12m	0,46/9,28 ha	5%	Không quá 30 năm
Tổng diện tích quy hoạch du lịch Khu BTTN Pù Hu			156,28 ha					

Phụ biểu 03: Diện tích các điểm và diện tích xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Nội dung	Điểm trải nghiệm sinh thái Pù Hu		Điểm trải nghiệm sinh thái Khe Yên			Điểm nghỉ dưỡng, sinh thái Pha Khao	Tổng
	Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Chiềng	Điểm nghỉ dưỡng, sinh thái Pù Hu	Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Yên	Điểm nghỉ dưỡng, sinh thái Khe Yên	Trung tâm Giáo dục Môi trường và Dịch vụ		
Tổng diện tích điểm phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (ha)	5	42	5	69,28	25,72	9,28	156,28
- Diện tích thuộc phân khu chức năng (ha)	5	42	5	69,28	25,72		147
+ Phân khu BVNN (ha)	0	0	0	0	0	0	0
+ Phân khu PHST (ha)	0	0	0	0	0	0	0
+ Phân khu DVHC (ha)	5	42	5	69,28	25,72		147
- Diện tích ngoài phân khu chức năng (ha)						9,28	9,28
- Diện tích xây dựng các công trình (ha)	0,25	2,1	0,25	3,46	1,29	0,46	7,81
- Diện tích đất rừng phục vụ du lịch (ha)	4,75	39,9	4,75	65,82	24,43	8,82	148,47

Phụ biểu 04: Tuyển du lịch nội vùng Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu

TT	Tên tuyến du lịch	Mục đích	Các điểm du lịch kết nối trên tuyến	Đặc trưng trải nghiệm chính	Địa bàn / Tiểu khu	Phân khu chức năng	Chiều dài tuyến (ước tính)	Thời gian trải nghiệm	Đối tượng du khách chính	Giai đoạn thực hiện	Dự kiến phương thức tổ chức thực hiện
1	Tuyến 1: Trạm Kiểm lâm Trung Sơn - Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Chiềng - Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pù Hu	Du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe; Du lịch sinh thái; Du lịch nông nghiệp; Du lịch sáng tạo; Du lịch văn hoá cộng đồng; Du lịch MICE; Các loại hình phù hợp khác	Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pù Hu; Bản Chiềng; Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Chiềng	Trải nghiệm sản xuất nông nghiệp theo mùa; tham gia thu hái và sơ chế dược liệu địa phương; khám phá không gian sinh hoạt cộng đồng người Thái; nghỉ dưỡng sinh thái gắn với chăm sóc sức khỏe và cảnh quan núi rừng	Tuyến được khai thác đi qua K 3a, TK 16; K 4, TK 24.	Phân khu DVHC, PHST và rừng sản xuất	5 km	1 ngày; 2 ngày 1 đêm	Khách phổ thông; Khách cao cấp	2026-2030; 2031-2035	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết
2	Tuyến 2: Trung tâm GDMT & DV - Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Yên - Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Khe Yên - Thác Pù Hu 1 và 2 - Đỉnh Pù Hu - Cây chò xanh cổ thụ -	Du lịch sinh thái; Du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe; Du lịch nông nghiệp; Du lịch văn hoá cộng đồng; Du lịch thể thao mạo hiểm; Du lịch nghiên cứu và học	Trung tâm GDMT&DV; Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Khe Yên; Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Yên; Thác Pù Hu 1, thác Pù Hu 2; Đỉnh Pù Hu; Cây chò xanh cổ thụ; Thác	Trekking khám phá rừng và thác nước; trải nghiệm nông nghiệp và dược liệu dưới tán rừng; nghỉ dưỡng sinh thái gắn với tắm suối và chữa lành; học tập và diễn giải về đa dạng sinh học, bảo tồn rừng	Tuyến được khai thác đi qua K 1, 2, 3, 4, 5, TK 98; K 2, 4, 5 TK 56; K 1, 2 TK 76; K 4 TK 49	Phân khu DVHC và BVNN	20 km	1 ngày; 2 ngày 1 đêm; 3 ngày 2 đêm	Khách phổ thông; Khách cao cấp	2026-2030: Khai thác lộ trình Trung tâm GDMT & DV - Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Yên - Thác Pù Hu 1 và 2 - Đỉnh Pù Hu. 2031-2035:	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết

TT	Tên tuyến du lịch	Mục đích	Các điểm du lịch kết nối trên tuyến	Đặc trưng trải nghiệm chính	Địa bàn / Tiểu khu	Phân khu chức năng	Chiều dài tuyến (ước tính)	Thời gian trải nghiệm	Đối tượng du khách chính	Giai đoạn thực hiện	Dự kiến phương thức tổ chức thực hiện
	Thác Khặt - Trạm Kiểm lâm Trung Thành	tập chuyên đề; Các loại hình phù hợp khác	Khặt							Khai thác lộ trình Trung tâm GDMT & DV - Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Yên - Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Khe Yên - Thác Pù Hu 1 và 2 - Đỉnh Pù Hu - Cây chò xanh cô thủ - Thác Khặt - Trạm Kiểm lâm Trung Thành.	
3	Tuyến 3: Trụ sở KBT - Bản En - Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pha Khao - Hang Pha Khao 1, 2 - Hang Dùn	Du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe; Du lịch sinh thái; Du lịch văn hoá cộng đồng; Du lịch thể thao mạo hiểm;	Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pha Khao; Bản En, Hang Pha Khao 1, Hang Pha Khao 2; Hang Dùn.	Khám phá hệ thống hang động và cảnh quan địa chất đặc trưng; trekking kết hợp trải nghiệm văn hóa địa phương; nghỉ dưỡng sinh thái trong không gian núi đá và rừng tự	Tuyến được khai thác đi qua K 6, 6a, 7a, TK 29	Phân khu DVHC và rừng sản xuất	30 km	1 ngày; 2 ngày 1 đêm	Khách phổ thông; Khách cao cấp	2026-2030: Khai thác lộ trình Trụ sở KBT - Bản En - Hang Pha Khao 1, 2 - Hang Dùn. 2031-2035: Khai thác lộ	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết

TT	Tên tuyến du lịch	Mục đích	Các điểm du lịch kết nối trên tuyến	Đặc trưng trải nghiệm chính	Địa bàn / Tiểu khu	Phân khu chức năng	Chiều dài tuyến (ước tính)	Thời gian trải nghiệm	Đối tượng du khách chính	Giai đoạn thực hiện	Dự kiến phương thức tổ chức thực hiện
		Du lịch địa học; Du lịch vui chơi giải trí; Các loại hình phù hợp khác		nhiên						trình Trại sở KBT - Bản En - Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pha Khao - Hang Pha Khao 1, 2 - Hang Dùn.	
4	Tuyến 4: Trại Kiểm lâm Trung Thành - Thác Khặt - Cây Chè Xanh cổ thụ/Cây chè cổ thụ Bản Tân Lập	Du lịch sinh thái; Du lịch văn hoá cộng đồng; Du lịch thể thao mạo hiểm; Du lịch nghiên cứu và học tập chuyên đề; Các loại hình phù hợp khác	Thác Khặt, Cây Chè Xanh cổ thụ, Cây chè cổ thụ Bản Tân Lập	Trekking rừng sâu; khám phá thác nước và cây cổ thụ có giá trị sinh thái cao; trải nghiệm nghiên cứu, học tập về rừng tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học	Tuyến được khai thác đi qua K 3, 5, TK 56, phân khu BVNN; K 1, 2, 3, 4, TK 72	Phân khu PHST và BVNN	10 km	1 ngày; 2 ngày 1 đêm	Khách phổ thông; Khách cao cấp	2031-2035	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết
5	Tuyến 5: Trại Kiểm lâm Phú Sơn - Bản suối Tôn - Thác Sơn Dương	Du lịch sinh thái; Du lịch văn hoá cộng đồng; Du lịch thể thao mạo hiểm; Du lịch nông nghiệp; Các loại hình phù	Bản Suối Tôn và thác Sơn Dương	Trải nghiệm hoạt động nông nghiệp nông thôn miền núi; trekking và tắm thác; tìm hiểu sinh kế cộng đồng gắn với rừng và nông nghiệp truyền thống	Tuyến được khai thác đi qua K 2, 3, TK 83	Phân khu BVNN	15 km	1 ngày; 2 ngày 1 đêm	Khách phổ thông	2031-2035	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết

TT	Tên tuyến du lịch	Mục đích	Các điểm du lịch kết nối trên tuyến	Đặc trưng trải nghiệm chính	Địa bàn / Tiểu khu	Phân khu chức năng	Chiều dài tuyến (ước tính)	Thời gian trải nghiệm	Đối tượng du khách chính	Giai đoạn thực hiện	Dự kiến phương thức tổ chức thực hiện
		hợp khác									
6	Tuyến 6: Trạm Kiểm lâm Nam Tiến - Bản Cốc - Thác Bang	Du lịch sinh thái; Du lịch nông nghiệp; Du lịch văn hoá cộng đồng; Du lịch thể thao mạo hiểm; Các loại hình phù hợp khác	Bản Cốc và thác Bang	Trải nghiệm hoạt động nông nghiệp địa phương; trekking khám phá thác nước và suối, rừng; giao lưu văn hóa cộng đồng địa phương	Tuyến được khai thác đi qua K 1, 2, 4 TK 102	Phân khu PHST	10 km	1 ngày; 2 ngày 1 đêm	Khách phổ thông	2031-2035	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết
7	Tuyến 7: Trung tâm GDMT & DV - Trạm Kiểm lâm Pá Quăn - Bản Co Cài, Cánh Còng, Tà Còm - Trạm Kiểm lâm Tà Cóm	Du lịch sinh thái; Du lịch văn hoá cộng đồng; Du lịch thể thao mạo hiểm; Các loại hình phù hợp khác	Trung tâm GDMT & DV, Bản Co Cài, Cánh Còng, Tà Còm	Trải nghiệm đời sống văn hoá cộng đồng vùng đệm; Trekking khám phá cảnh quan tự nhiên kết hợp diễn giải môi trường	Tuyến được khai thác đi qua K 1, 2, 3, 4, 5, TK 98; K 1, 2, 4, 5 TK 111; K 1 TK 112; K 1, 2, 5 TK 92; K 5 TK 55	Phân khu PHST và BVNN	35 km	2 ngày 1 đêm; 3 ngày 2 đêm	Khách phổ thông	2031-2035	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng mức	Tổng giai đoạn (2026-2035)	Phân theo giai đoạn																		
				Giai đoạn 2026-2030									Giai đoạn 2031-2035									
				Tổng giai đoạn 1	Ngân sách Nhà nước						Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn 2	Ngân sách Nhà nước						Xã hội hoá	Nguồn hợp pháp khác	
					Chi đầu tư			Chi thường xuyên						Chi đầu tư			Chi thường xuyên					
				NS Trung ương	NS tỉnh	NS xã	NS Trung ương	NS tỉnh	NS xã				NS Trung ương	NS tỉnh	NS xã	NS Trung ương	NS tỉnh	NS xã				
	nghiệp, nông thôn Bán Yên																					
3.2	Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Khe Yên	83.000	83.000	0	0	0	0	0	0	0	0	83.000	0	0	0	0	0	0	83.000	0		
3.3	Trung tâm GDMT&DV	131.215	131.215	24.520	24.520	0	0	0	0	0	0	106.695	54.740	15.155	0	0	0	0	30.800	6.000		
4	Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pha Khao	116.136	116.136	0	0	0	0	0	0	0	0	116.136	45.136	0	0	0	0	0	71.000	0		
5	Nâng cấp và cải tạo cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ QL BVR kết hợp khai thác điểm dừng chân du lịch	23.000	23.000	21.500	4.000	3.000	0	0	0	0	13.500	1.000	1.500	0	0	0	0	0	0	1.500		
6	Dự án phát triển các điểm tham quan trên tuyến	17.400	17.400	13.000	13.000	0	0	0	0	0	0	4.400	0	0	0	0	0	0	4.400	0		
7	Dự án phát triển sản phẩm du lịch	2.000	2.000	1.000	0	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000	0	0	0	0	0	1.000	0		
8	Dự án chuyển đổi số	1.500	1.500	0	0	0	0	0	0	0	0	1.500	0	0	0	0	0	0	1.500	0		

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng mức	Tổng giai đoạn (2026-2035)	Phân theo giai đoạn																	
				Giai đoạn 2026-2030								Giai đoạn 2031-2035									
				Tổng giai đoạn 1	Ngân sách Nhà nước						Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn 2	Ngân sách Nhà nước						Xã hội hoá	Nguồn hợp pháp khác
					Chi đầu tư			Chi thường xuyên						Chi đầu tư			Chi thường xuyên				
					NS Trung ương	NS tỉnh	NS xã	NS Trung ương	NS tỉnh	NS xã				NS Trung ương	NS tỉnh	NS xã	NS Trung ương	NS tỉnh	NS xã		
9	Dự án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ngành du lịch và hỗ trợ cộng đồng	5.100	5.100	3.600	0	3.100	0	0	0	0	500	0	1.500	0	0	0	0	500	0	500	500
10	Dự án quảng bá và xây dựng thương hiệu	28.200	28.200	14.700	0	0	0	0	1.000	0	7.200	6.500	13.500	0	0	0	0	0	0	8.500	5.000
11	Vận hành và giám sát hoạt động du lịch	15.000	15.000	9.000	0	0	0	0	0	0	4.000	5.000	6.000	0	0	0	0	0	0	500	5.500
TỔNG CỘNG:		598.253	598.253	256.022	90.822	12.500	0	0	4.000	0	131.700	17.000	342.231	99.876	15.155	0	0	2.000	0	206.700	18.500

Phụ biểu 06: Danh mục dự án ưu tiên đầu tư

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án		Nội dung các công việc	Giai đoạn triển khai	Khái toán kinh phí	Nguồn vốn
1	Trung tâm thông tin du lịch		Nâng cấp cải tạo nhà ăn phục vụ khách du lịch; cải tạo nhà công vụ thành khu lưu trú; cải tạo khuôn viên cây xanh và tiểu cảnh; thiết kế sa bàn công nghệ 3D giới thiệu tổng thể Khu BTTN Pù Hu.	2026-2030 2031-2035	11.900	- Ngân sách nhà nước - Xã hội hoá - Nguồn khác
2	Điểm trải nghiệm sinh thái Pù Hu	Điểm nghỉ dưỡng sinh thái Pù Hu	Xây dựng khu nhà hàng và dịch vụ tổng hợp; khu nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe spa; khu bungalow nghỉ dưỡng; điểm quan sát toàn cảnh và không gian vui chơi giải trí; vườn dược liệu và khu trồng cây lưu niệm; điểm cắm trại Piềng Pong; đầu tư hạ tầng giao thông điện nước thông tin liên lạc; bãi đỗ xe và khu xử lý nước thải rác thải cùng các điểm dừng chân diễn giải.	2026-2030 2031-2035	109.302	- Ngân sách nhà nước - Xã hội hoá
		Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Chiềng	Xây dựng khu giới thiệu sản phẩm nông nghiệp và dược liệu; tuyến đường mòn sinh thái và lối đi bộ nội bản; khu đón tiếp, biển chỉ dẫn và bảng thông tin giáo dục môi trường; điểm trình diễn nông nghiệp, thu hái và sơ chế dược liệu; các công trình nhẹ như chòi nghỉ, nhà vệ sinh sinh thái; hệ thống xử lý nước thải, rác thải và thu gom nước mưa.	2026-2030 2031-2035	25.000	- Xã hội hoá - Nguồn khác
3	Điểm trại nghiệm sinh thái Khe Yên	Điểm trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn Bản Yên	Xây dựng khu giới thiệu sản phẩm nông nghiệp và dược liệu; tuyến đường mòn sinh thái và lối đi bộ nội bản; khu đón tiếp, biển chỉ dẫn và bảng thông tin giáo dục môi trường; điểm trình diễn nông nghiệp và sơ chế dược liệu; các công trình nhẹ như chòi nghỉ, nhà vệ sinh sinh thái; hệ thống xử lý nước thải, rác thải và thu gom nước mưa.	2026-2030 2031-2035	25.000	- Xã hội hoá - Nguồn khác
Tổng ngân sách thực hiện các dự án ưu tiên					171.202	